cho xã hội. Nếu phát hiện được nguy cơ SDMT để phòng ngừa từ sớm sẽ giảm đáng kể hậu quả. Học sinh THPT là lứa tuổi đầu thanh niên, đang trong quá trình hoàn thiện về giải phẫu - sinh lý và tâm lý, có các đặc điểm tâm lý có thể tạo nên nguy cơ SDMT.

Việc hỗ trợ cho các cá nhân ở giai đoạn nghiện ma tuý và sắp SDMT là khá tốn kém và phức tạp. Nhưng nếu phát hiện sớm được một ai đó tiềm tàng khả năng có thể sử dụng ma tuý, tức là ở giai đoạn họ chưa có dấu hiệu của việc sẽ sử dụng ma tuý thì biện pháp can thiệp, hỗ trợ sẽ nhẹ nhàng và đơn giản hơn, chi phí sẽ thấp hơn, giảm thiểu gánh nặng cho cá nhân và gia đình, cộng đồng. Vì vậy, một cách tích cực trong phòng chống nghiện ma tuý là dự báo từ xa nguy cơ của việc sử dụng ma tuý.

1.2. Về thực tiễn

Thực tế hiện nay, việc đánh giá học sinh THPT có nguy cơ SDMT hay không vẫn còn dựa trên những nhận xét cảm tính, bề ngoài thiếu căn cứ khoa học, điều này có thể gây nên những tổn hại, ảnh hưởng không tốt về tâm lý đối với học sinh nếu đưa ra những đánh giá sai. Đồng thời giá trị dự báo về nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT thấp. Các công trình nghiên cứu trước đây về dự báo thường tập trung vào việc nghiên cứu nhận thức đối với ma túy và sử dụng ma túy của học sinh THPT, các biểu hiện của học sinh THPT sử dụng ma túy và các biện pháp giải quyết hậu quả của việc SDMT,... nghiên cứu về nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT vẫn còn bỏ ngỏ và chưa được quan tâm nhiều.

Xuất phát từ những lý do trên, đề tài "Nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh Trung học phổ thông" được thực hiện nhằm tìm hiểu về nguy cơ sử dụng ma tuý, nguy cơ sử dụng ma tuý ở lứa tuổi học sinh THPT dưới góc độ tâm lý học; tìm hiểu thực trạng tình hình nguy cơ SDMT ở học sinh THPT và các biện pháp có hiệu quả trong việc phòng ngừa nguy cơ SDMT cho học sinh THPT; từ đó làm cơ sở tham khảo cho các nghiên cứu khoa học về phòng ngừa ma tuý trong nhà trường và các nghiên cứu khoa học khác.

2. Mục đích nghiên cứu

Xây dựng cơ sở lý luận, bước đầu xác định được các biểu hiện của nguy cơ SDMT và đánh giá thực trạng nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT tại một số trường THPT tại Hà Hội; đề xuất và thử nghiệm biện pháp tác động phòng ngừa nguy cơ sử dụng ma tuý cho học sinh THPT.

3. Đối tượng nghiên cứu

dụng ma tuý sau sàng lọc.

5. Giả thuyết khoa học

- Nguy cơ SDMT là một phức hợp các yếu tố tâm lý sống, trong đó có sự kết hợp giữa các yếu tố tâm lý và m cho việc sử dụng ma tuý ở cá nhân.
- Ở học sinh trung học phổ thông được nghiên cứu c cơ SDMT và ở các mức độ khác nhau.
- Có thể nâng cao khả năng tự phòng ngừa nguy c học sinh THPT bằng việc tác động đến nhận thức của học s

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tập hợp, thu thập, phân tích, tổng hợp hồ sơ, tài liệu về nguy cơ sử dụng ma túy, nguy cơ sử dụng ma tuý ở lứa t
- Tìm hiểu nguy cơ trước khi SDMT ở các học s trường học ở Hà Nội và tìm hiểu thực trạng (có hay không nguy cơ sử dụng ma tuý tại một số trường THPT trên địa b
- Đề xuất và thực nghiệm biện pháp phòng ngừa đối nguy cơ sử dụng ma tuý.

7. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh TH tâm lý cá nhân và môi trường sống, trong đó chú trọng và tâm lý với các yếu tố môi trường tạo nên nguy cơ SDMT ở chỉ xác định thế nào là nguy cơ SDMT ở học sinh THPT v ở HS THPT không.

8. Phương pháp nghiên cứu

8.1. Phương pháp tiếp cận

- Tiếp cận theo quan điểm nhân cách
- Tiếp cận theo quan điểm hoạt động
- Tiếp cận theo quan điểm phát triển
- Tiếp cận theo quan điểm xã hội
- Tiếp cận theo quan điểm hệ thống

8.2. Phương pháp nghiên cứu

8.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

9.1. Về lí luận

- Làm rõ được lý luận tâm lý học về nguy cơ sử dụng ma tuý. Trong đó xác định mối tương quan giữa các yếu tố tâm lý cá nhân với các yếu tố môi trường sống dẫn đến khả năng cao có thể sử dụng ma tuý ở cá nhân. Xây dựng được các biểu hiện về nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh trung học phổ thông.

- Những kết quả nghiên cứu về lý luận nguy cơ sử dụng ma tuý góp phần cụ thể hoá và làm phong phú thêm về tài liệu lý luận cho các lĩnh vực tâm lí học phát triển, tâm lí học giáo dục, tâm lí học lâm sàng, trị liệu và dịch tễ học.

9.2. Về thực tiễn

- Chỉ ra thực trạng và biểu hiện nguy cơ trước khi sử dụng ma tuý ở học viên cai nghiện tại các trung tâm ở Hà Nội với các yếu tố tâm lý và các yếu tố môi trường sống cụ thể thông qua phương pháp hồi cứu để làm cơ sở xác định học sinh có nguy cơ SDMT. Bước đầu mô tả được thực trạng nguy cơ SDMT ở học sinh THPT tại một số trường THPT ở Hà Nội, kiểm chứng và đưa ra biện pháp thực nghiệm hiệu quả đối với học sinh có nguy cơ SDMT là tham vấn cá nhân và tập huấn nhóm nhỏ.

- Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo và ứng dụng cho nhà nghiên cứu tâm lý học, giảng viên, sinh viên trường sư phạm, nhà quản lí giáo dục, các trường học, các cơ quan chuyên ngành, và đặc biệt là chuyên gia Tâm lý học trường học tại các trường THPT.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ LÝ LUẬN NGHIÊN CỨU NGUY CƠ SỬ DỤNG MA TÚY Ở HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1 Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Nghiên cứu ở nước ngoài

1.1.2. Nghiên cứu tại Việt Nam

1.2. Sử dụng ma tuý và nguy cơ sử dụng ma tuý

a/ Tác hại đối với cơ thể: Gây ảnh hưởng nghiêr suy giảm trí tuệ, mất khả năng tư duy, nguy cơ cao lâ truyền qua đường tình dục.

b/ Tác hại về mặt tâm lý, xã hội: Sử dụng ma túy ổn định, khủng hoảng tâm lý cá nhân, những mối bất h định, trí tuệ suy giảm, suy nghĩ và hành động thiếu chi mất ổn định trật tự, an toàn xã hội.

1.2.2. Nguy cơ sử dụng ma túy

1.2.2.1. Khái niệm nguy cơ

Nguy cơ là khả năng tiềm tàng xảy ra hậu quả kh sinh lý cho cá nhân khi có sự kết hợp giữa các yếu tố môi trường sống có thể dẫn đến hậu quả đó.

1.2.2.2. Khái niệm nguy cơ sử dụng ma tuý

Nguy cơ sử dụng ma tuý là khả năng (tiềm tàng) dụng ma tuý ở cá nhân khi các yếu tố nguy cơ SDMT hơn so với các yếu tố bảo vệ.

1.3. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học p sử dụng ma tuý ở học sinh trung học phổ thông

Tuổi học sinh THPT được đề cập trong đề tài nà 12, nghĩa là từ 16 đến 18 tuổi.

1.3.1. Đặc điểm tâm lý của học sinh trung học ph

1.3.2. Nguy cơ sử dụng ma túy ở học sinh trung h

1.3.2.1. Khái niệm nguy cơ sử dụng ma tuý ở họ thông

Nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT là kh việc sử dụng ma tuý khi các yếu tố nguy cơ tâm lý k nguy cơ trong môi trường sống chiếm ưu thế, nổi trội bảo vệ.

1.3.2.2. Cấu trúc nguy cơ sử dụng ma tuý ở học si

Các yếu tố tâm lý cá nhân và các yếu tố môi trườn quan theo những cách khác nhau, tạo nên các kiểu cấu khác nhau. Có 7 kiểu liên kết, tương quan phổ biến giữ

bảo vệ

1.3.4. Các mức độ nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT

Như vậy, có thể khái quát các mức độ nguy cơ SDMT từ cao xuống thấp, tương ứng từ mức 1 đến mức 7 ở học sinh THPT như sau:

(i). Mức 1: Xu hướng hướng ngoại, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, định hướng giá trị bạn bè, hoàn cảnh gia đình nguy cơ, nhóm bạn nguy cơ.

(ii). Mức 2: Xu hướng hướng ngoại, tính cách hành động-liều lĩnh, khí chất nóng nảy, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ.

(iii). Mức 3: Xu hướng hướng ngoại, tính cách hành động-liều lĩnh, khí chất nóng nảy, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ, khu vực sinh sống nguy cơ.

(iv). Mức 4: Xu hướng hướng ngoại, tính cách hành động-liều lĩnh, khí chất nóng nảy, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, nhu cầu được quan tâm-yêu thương, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ.

(v). Mức 5: Xu hướng hướng ngoại, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, khí chất hăng hái, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ.

(vi). Mức 6: Xu hướng hướng nội, tính cách nhu nhược, khí chất ưu tư, không có hứng thú học tập, nhu cầu được quan tâm-yêu thương, định hướng giá trị bạn bè, nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ.

(vii). Mức 7: Xu hướng hướng nội, tính cách nhu nhược, không có hứng thú học tập, nhu cầu được quan tâm-yêu thương, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ.

Tóm lại, có 7 mức độ của nguy cơ SDMT ở lứa tuổi học sinh THPT phân theo mức độ từ 1 đến 7 (cao xuống thấp) thể hiện khả năng dẫn đến SDMT của các mức độ nguy cơ SDMT.

1.4. Biện pháp kiểm soát nguy cơ sử dụng ma

học phổ thông

1.4.1. Các biện pháp phát triển và nâng cao khả

cho cá nhân

1.4.2. Phát huy vai trò của gia đình

1.4.3. Phát huy vai trò phát hiện và can thiệp sớm

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊ

2.1. Tổ chức nghiên cứu

2.1.1. Mục đích và nội dung nghiên cứu

2.1.1.1. Mục đích nghiên cứu:

2.1.1.2. Nội dung nghiên cứu

2.1.2. Chọn mẫu khách thể nghiên cứu

2.1.2.1. Mẫu điều tra nguy cơ sử dụng ma tuý ở họ

Mẫu điều tra nguy cơ SDMT ở học sinh THPT THPT trên địa bàn 3 trường thuộc 3 vùng địa lý khác nh

Bảng 2.1: Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Tên trường	*Tổng số*	*Phân theo giới tính*				*Phân*		
		Nam		Nữ		Khối 10		
		SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	
Kim Liên	138	44	31,9	94	68,1	64	46,4	
Cầu Giấy	191	88	46,1	103	53,9	71	37,2	
Trương Định	199	105	52,8	94	47,2	88	44,2	
Tổng	528	237	44,9	291	55,1	223	42,2	

dụng ma túy trong khi đang còn đi học là 15,7% và sau khi bỏ học bổ sung là 84,3%. Tiến hành phỏng vấn sâu 23/121 học viên nhằm bổ sung thông tin cho kết quả nghiên cứu.

2.1.2.3. Mẫu thực nghiệm tác động

Mẫu thực nghiệm tác động gồm 5 học sinh có nguy cơ SDMT (Danh sách mẫu thực nghiệm xem Phụ lục 13).

2.1.3. Địa bàn nghiên cứu

2.1.3.1. Địa bàn nghiên cứu thực trạng nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh trung học phổ thông

+ Trường Trung học phổ thông Trương Định
+ Trường Trung học phổ thông Cầu Giấy
+ Trường Trung học phổ thông Kim Liên

2.1.3.2. Địa bàn nghiên cứu người sử dụng ma tuý

Các Trung tâm Chữa bệnh giáo dục- Lao động- Xã hội số I, II, III, IV, V và VI trên địa bàn Hà Nội.

2.1.4. Các bước tiến hành nghiên cứu

2.1.4.1. Bước 1- Xây dựng khung lý thuyết về nguy cơ sử dụng ma tuý

2.1.4.2. Bước 2- Xây dựng khung nguy cơ SDMT, tiêu chí và thang đo

2.1.4.3. Bước 3- Nghiên cứu nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT

2.1.4.4. Bước 4- Tổ chức thực nghiệm

2.2. Xây dựng thang đánh giá nguy cơ sử dụng ma túy ở học sinh THPT

Để xây dựng thang đánh giá nguy cơ SDMT ở học sinh THPT, đề tài tiến hành nghiên cứu trên các tài liệu có liên quan, nghiên cứu hồ sơ và nghiên cứu hồi cứu trên 121 học viên thuộc lứa tuổi đầu thanh niên từ 16 đến 19 tuổi *(lứa tuổi học sinh THPT)* cai nghiện ma tuý tại các Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục Lao động Xã hội thuộc Sở Lao động Thương Binh và Xã hội Hà Nội để xây dựng lên thang đo nguy cơ SDMT ở học sinh THPT.

2.2.1. Quy trình xây dựng công cụ nghiên cứu

2.2.1.1. Xây dựng bảng hỏi

2.2.1.2. Lựa chọn khách thể nghiên cứu

2.2.1.3. Tiến hành khảo sát để định hình phiếu điều tra

bổ sung là 110 items. Các items được bố trí đan xen nha quan, học sinh trả lời không nghi ngờ ý đồ nghiên cứu.

Bảng 2.2. Cấu trúc thang đánh giá nguy cơ SDM

Stt	Danh Yếu tố nguy cơ SDMT	Items đo lường yếu tố nguy cơ
1	Xu hướng	7
2	Khí chất	8
3	Định hướng giá trị	6
4	Tính cách	7
5	Nhu cầu	6
6	Hứng thú	6
7	Năng lực học tập	6
8	Nhận thức về ma tuý	6
9	Hoàn cảnh gia đình	8
10	Nhóm bạn	6
11	Khu vực sinh sống	5

2.3. Phương pháp nghiên cứu

2.3.1. Hướng tiếp cận nghiên cứu

2.3.1.1. Tiếp cận theo quan điểm nhân cách

2.3.1.2. Tiếp cận theo quan điểm hoạt động

2.3.1.3. Tiếp cận theo quan điểm phát triển

2.3.1.4. Tiếp cận theo quan điểm xã hội

2.3.1.4. Tiếp cận theo quan điểm hệ thống

2.3.2. Các phương pháp nghiên cứu

2.3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

2.3.2.2. Phương pháp quan sát

2.3.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

2.3.2.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

2.3.2.5. Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt đ

2.3.2.6. Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Trong chương này trình bày kết quả nghiên cứu một số nội dung sau đây:

- Kết quả nghiên cứu thực trạng nguy cơ SDMT ở học sinh THPT Hà Nội, trong đó có so sánh với kết quả điều tra nguy cơ SDMT trên học viên cai nghiện ma tuý tại các trung tâm Chữa bệnh- Giáo dục- Lao động- Xã hội Hà Nội.

- Kết quả thực nghiệm biện pháp tác động đối với một số học sinh THPT có nguy cơ SDMT.

3.1. Thực trạng nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT

3.1.1. Các yếu tố tâm lí của nguy cơ sử dụng ma tuý ở học sinh THPT

Tiến hành điều tra về các yếu tố tâm lý cá nhân ở 528 học sinh THPT và so sánh với các yếu tố tâm lý cá nhân ở 121 học viên cai nghiện tại các trung tâm thời điểm trước khi sử dụng ma tuý cho kết quả tại bảng 3.1 dưới đây.

Bảng 3.1: Kết quả đánh giá về các yếu tố tâm lý của nguy cơ sử dụng ma tuý giữa học viên cai nghiện ma tuý và học sinh THPT

Stt	Nội dung	Học viên cai nghiện tại trung tâm			Học sinh THPT		
		Tỉ lệ %	*Điểm TB*	*Độ lệch chuẩn*	*Tỉ lệ %*	*Điểm TB*	*Độ lệch chuẩn*
1.	**Xu hướng**						
1.1	Hướng ngoại	76,4	3,70	0,923	72,08	3,66	0,782
1.2	Hướng nội	23,6	3,35	0,846	27,92	3,47	0,802
2.	**Tính cách**						
2.1	Hành động-liều lĩnh	65,8	3,32	0,922	21,27	3,15	0,590
2.2	Nhu nhược-yếu đuối	34,2	3,01	0,974	24,81	3,38	0,647
2.3	Khác				53,92	2,86	0,933
3.	**Khí chất**						
3.1	Nóng nảy	43,9	3,58	0,914	25,68	3,25	0,735
3.2	Hoạt bát	24,4	3,18	0,973	22,65	3,50	0,588
3.3	Ưu tư	25,2	2,93	0,893	15,87	3,32	0,579
3.4	Bình thản				35,80	3,54	0,591
4.	**Định hướng giá trị**						
7.	**Năng lực học tập** (Kết quả học tập kém, thường xuyên dưới trung bình. Khó khăn trong học tập)	51,8	2,91	0,92			
8.	**Nhận thức về ma tuý** (Nhận thức không đầy đủ về ma tuý và tác hại của ma tuý. Ít tìm hiểu thông tin về phòng ngừa SDMT)	59,2	2,85	1,05			

Kết quả nghiên cứu về từng yếu tố tâm lý nguy
THPT cho thấy:

+ ***Về xu hướng:*** Kết quả nghiên cứu biểu hiện về
THPT được thể hiện tại bảng 3.2

+ ***Về tính cách:*** Kết quả nghiên cứu biểu hiện về
THPT được thể hiện tại bảng 3.3.

+ ***Về khí chất:*** Kết quả nghiên cứu về khí chất ở
thể hiện tại bảng 3.4.

+ ***Về định hướng giá trị:*** Kết quả nghiên cứu về
học sinh THPT được thể hiện tại bảng 3.5.

+ ***Về nhu cầu:*** Kết quả nghiên cứu về yếu tố nhu
được trình bày tại bảng 3.7.

+ ***Về hứng thú:*** Nghiên cứu về hứng thú chơi
hứng thú học tập ở học sinh THPT, kết quả thể hiện tại b

+ ***Nhận thức về ma tuý và phòng ngừa sử d***
nghiên cứu nhận thức về phòng ngừa sử dụng ma tuý ở
thể hiện tại bảng 3.9.

+ ***Về năng lực học tập:*** Kết quả nghiên cứu về
học sinh THPT được thể hiện tại bảng 3.10.

Nghiên cứu về sự liên kết, kết hợp và tương quan
học sinh THPT và đối chiếu với kết quả nghiên cứu
nghiệm tại trung tâm trước khi SDMT thông qua phân tíc
tại bảng 3.11 và bảng 3.12 cho thấy, ở học sinh THPT, 1
số tương quan với nhau thấp và rất thấp. Trong khi đó

biến giữa các yếu tố tâm lý nguy cơ với nhau

** Dựa trên số lượng tương quan với các đặc điểm tâm lý khác từ nhiều đến ít*

Nghiên cứu cho thấy, các yếu tố tâm lý trên ở học viên cai nghiện ma tuý tại trung tâm có sự liên kết, kết hợp, tương quan với nhau theo những cách khác nhau tạo nên các cấu trúc nguy cơ SDMT khác nhau, tương ứng với các mức độ nguy cơ khác nhau. Kết quả phân tích cho thấy, có 7 kiểu kết hợp phổ biến của các yếu tố tâm lý với nhau (bảng 3.13).

Bảng 3.13. Kết quả đánh giá về các kiểu kết hợp của các yếu tố tâm lý ở học sinh THPT và học viên cai nghiện tại trung tâm

Stt	Các kiểu kết hợp của yếu tố tâm lý	Tỉ lệ (%)	
		Học viên cai nghiện	Học sinh THPT
1.	Xu hướng hướng ngoại, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, định hướng giá trị bạn bè.	62,5	3,3
2.	Xu hướng hướng ngoại, tính cách hành động-liều lĩnh, khí chất nóng nảy, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị tự do.	57,2	2,4
3.	Xu hướng hướng ngoại, tính cách hành động-liều lĩnh, khí chất nóng nảy, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do.	52,4	2,0
4.	Xu hướng hướng ngoại, tính cách hành động-liều lĩnh, khí chất nóng nảy, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, nhu cầu được quan tâm-yêu thương, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do.	47,2	2,1
5.	Xu hướng hướng ngoại, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, khí chất hăng hái, định hướng		

hướng kết hợp với nhau theo những cách khác nhau tạ
tính chất nguy cơ SDMT về tâm lý khác nhau. 7 kiểu kết
phổ biến nhất, tương ứng với 7 mức độ nguy cơ khác nh
hợp khác chiếm tỉ lệ ít hơn và xuất hiện với tỉ lệ hiếm h
lý thuyết phân phối xác xuất chuẩn, chúng không được đ

Như vậy, có thể nói, ở học viên cai nghiện tại
SDMT, các yếu tố tâm lý nguy cơ SDMT có sự kết hợp
cách khác nhau, tương ứng là các mức độ nguy cơ SD
ra, kết quả phỏng vấn sâu các học viên cũng cho thấy,
yếu tố tâm lý nguy cơ SDMT trên xuất hiện nổi trội và
tâm lý cho về phòng ngừa SDMT hầu như không có hiệu

Tiến hành phân tích tương quan giữa các yếu
THPT dựa trên kết quả phân tích 7 kiểu liên kết tương
viên cai nghiện ma tuý tại bảng 3.13 cho thấy, trái ng
nghiện tại trung tâm, tỉ lệ học sinh THPT có các kiểu k
tâm lý nguy cơ SDMT rất thấp. Điều này cho thấy, ở họ
lệ nhỏ học sinh có các kiểu kết hợp của các yếu tố tâ
SDMT. Đa số học sinh THPT là không có nguy cơ SDM

Tóm lại, trong số học sinh THPT tham gia nghiên
học sinh có các kiểu kết hợp, liên kết tương quan giữa
nhau giống như ở các học viên trước khi SDMT. Nếu
sống trong môi trường nguy cơ SDMT thì có thể có ng
yếu tố tâm lý này kết hợp với các yếu tố môi trường sống

3.1.2. Các yếu tố môi trường sống nguy cơ ở học

Để xác định môi trường sống nguy cơ ở học sinh
cứu về môi trường sống nguy cơ SDMT ở các học viên
trung tâm trước khi SDMT để làm căn cứ đối chứng. K
các học viên cai nghiện tại trung tâm và học sinh TH
bảng 3.14 cho thấy, ở học viên cai nghiện tại trung t
trường nguy cơ SDMT, gồm có: hoàn cảnh gia đình ngu
cơ và khu vực sinh sống nguy cơ.

Bảng 3.14: Kết quả phân tích về các yếu tố môi

nguy cơ						

Kết quả phân tích từ bảng trên cho thấy, 3 yếu tố môi trường sống nguy cơ trên chính là 3 yếu tố đã tác động mạnh đến học viên trước khi dẫn đến việc SDMT.

Từ bảng phân tích kết quả nghiên cứu trên cho thấy, trái ngược với các học viên cai nghiện tại trung tâm, ở học sinh THPT, 3 yếu tố hoàn cảnh sống nguy cơ SDMT này đều chiếm tỉ lệ rất thấp. Tuy nhiên, biểu hiện của các yếu tố này cũng rất rõ rệt (ĐTB>=2,89). Như vậy, hầu hết học sinh THPT đang sống trong môi trường hoàn cảnh gia đình, nhóm bạn và khu vực sinh sống tốt, chỉ có một tỉ lệ nhỏ đang sống trong các môi trường sống nguy cơ SDMT.

Phân tích sâu hơn về từng yếu tố môi trường ở học sinh THPT cho thấy:

+ ***Về hoàn cảnh gia đình của học sinh THPT:*** Kết quả nghiên cứu về hoàn cảnh gia đình nguy cơ của học sinh THPT được thể hiện tại bảng 3.15.

+ ***Về nhóm bạn của học sinh THPT:*** Kết quả nghiên cứu về nhóm bạn nguy cơ SDMT và nhóm bạn bảo vệ ở học sinh THPT tại bảng 3.16.

+ ***Về khu vực sinh sống của học sinh THPT:*** Kết quả nghiên cứu về khu vực sinh sống nguy cơ ở học sinh THPT được thể hiện tại bảng 3.17.

Tóm lại, từ các kết quả nghiên cứu về các yếu tố tâm lý nguy cơ SDMT và các yếu tố môi trường sống nguy cơ SDMT cho thấy, có một tỉ lệ nhỏ học sinh THPT có các yếu tố tâm lý kết hợp với nhau có thể tạo nên nguy cơ SDMT và một tỉ lệ nhỏ học sinh THPT có các yếu tố môi trường sống nguy cơ SDMT. Mức độ biểu hiện của các yếu tố tâm lý và môi trường sống nguy cơ ở số học sinh này đều rất rõ ràng. Nói cách khác, trong số học sinh THPT được nghiên cứu, có tiềm tàng một số lượng học sinh có nguy cơ SDMT. Vấn đề là phải xác định các yếu tố môi trường sống nguy cơ SDMT này có tương quan với các yếu tố tâm lý ở các em hay không.

3.1.3. Nghiên cứu sàng lọc về học sinh THPT có nguy cơ sử dụng ma tuý

Để có căn cứ nghiên cứu về thực trạng học sinh THPT có nguy cơ SDMT, đề tài tiến hành nghiên cứu và tìm hiểu nguy cơ trước khi SDMT ở học viên cai nghiện ma tuý tại trung tâm về các kiểu kết hợp, tương quan của các yếu tố tâm lý ở cá nhân và các yếu tố môi trường sống nguy cơ SDMT. Thông qua các kiểu kết hợp phổ biến của các yếu tố nguy cơ này, áp dụng tìm hiểu trên học sinh THPT

nghiên cứu, đối chiếu với kết quả nghiên cứu trên các h
trung tâm cho thấy sự tương quan, liên kết lỏng lẻo, nghĩ
các học sinh THPT rất thấp

Trái ngược với kết quả nghiên cứu trên học viê
nghiên cứu trên học sinh THPT (bảng 3.19) cho thấy, số
quan giữa các yếu tố tâm lý cá nhân và môi trường sốn
mức độ liên kết, tương quan lại rất thấp, rất lỏng lẻo. Du
"không hứng thú học tập" và "năng lực học tập kém" vớ
và "hoàn cảnh gia đình nguy cơ" là cao hơn cả nhưng
chặt chẽ. Kết quả này khẳng định ở học sinh THPT, nhi
không có nguy cơ SDMT, nếu có thì chắc chắn tỉ lệ rất
cơ không cao.

Như vậy, kết quả phân tích tương quan đã khẳng đ
hợp theo những kiểu riêng giữa các yếu tố tâm lý cá nh
trường sống nguy cơ SDMT. Sự kết hợp theo những c
tạo nên các biểu hiện của nguy cơ SDMT với các mứ
khác nhau ở học viên cai nghiện tại trung tâm. Từ kết
quan trên các học viên cai nghiện để phân tích sự liên k
lý cá nhân với các yếu tố môi trường sống, cho thấy có 7
phổ biến giữa các yếu tố tâm lý cá nhân và yếu tố môi tr
cai nghiện tại trung tâm (thời điểm trước khi sử dụng ma
biểu hiện và mức độ nguy cơ SDMT ở học viên trước
nghiên cứu được trình bày trong bảng 3.20 dưới đây.

Bảng 3.20. Các biểu hiện và mức độ nguy cơ SDM

	Biểu hiện nguy cơ SDMT
	Xu hướng hướng ngoại, không có hứng thú h tập, nhu cầu được tôn trọng, định hướng giá t bạn bè, hoàn cảnh gia đình nguy cơ, nhóm b nguy cơ.

4.	Xu hướng hướng ngoại, tính cách hành động-liều lĩnh, khí chất nóng nảy, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, nhu cầu được quan tâm-yêu thương, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ.	45,7	0,5
5.	Xu hướng hướng ngoại, không có hứng thú học tập, nhu cầu được tôn trọng, khí chất hăng hái, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ.	39,2	0,4
6.	Xu hướng hướng nội, tính cách nhu nhược, khí chất ưu tư, không có hứng thú học tập, nhu cầu được quan tâm-yêu thương, định hướng giá trị bạn bè, nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ.	36,8	0,5
7.	Xu hướng hướng nội, tính cách nhu nhược, không có hứng thú học tập, nhu cầu được quan tâm-yêu thương, định hướng giá trị bạn bè, định hướng giá trị vật chất, định hướng giá trị tự do, nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ.	32,9	0,0

3.	Biểu hiện thứ ba (mức độ 3)	3	2	1
4.	Biểu hiện thứ tư (mức độ 4)	3	3	
5.	Biểu hiện thứ năm (mức độ 5)	2	2	
6.	Biểu hiện thứ sáu (mức độ 6)	3	1	2
	Tổng số	***30***	***21***	***9***

Theo kết quả phân tích tại bảng 3.21, có 30 học si
với 6 biểu hiện/mức độ nguy cơ khác nhau (chiếm 5,
được nghiên cứu). Các em nam vẫn là nhóm có nguy c
em nữ, (nữ chiếm 30% và nam chiếm 70% số học sin
điều này có thể có liên quan đến đặc điểm tâm lý thích
của lứa tuổi đầu thanh niên ở các em nam cao hơn các e
khối lớp, số học sinh có nguy cơ SDMT cao nhất ở khối
và cuối cùng là khối 10. Có thể do học sinh khối 10 mới
tâm lý, còn chú tâm vào việc học đầu cấp nên nguy cơ S

Kết quả nghiên cứu đối với học sinh có nguy cơ
em đều có các biểu hiện của nguy cơ SDMT rõ ràng. Du
dung học sinh có nguy cơ SDMT.

1/ Trường hợp NHA- Nữ- lớp 10- THPT Cầu Gi
nguy cơ thứ nhất

2/ VTT- Nam- lớp 11 trường THPT Trương Địn
nguy cơ thứ hai

3/ NTK- Nam- lớp 11- THPT Cầu Giấy. ***Biểu h***
thứ ba

4/ NVB- Nam- Lớp 11- THPT Kim Liên. ***Biểu***
thứ tư

5/ NVMH- Nam- Lớp 11- THPT Kim Liên. ***Biểu h***
cơ thứ năm

Kết quả phỏng vấn sâu một số giáo viên chủ
trong đồng với kết quả thu được từ điều tra trực tiếp các

Như vậy, các kết quả nghiên cứu trên các cl
phỏng vấn sâu từ các giáo viên đều có sự đồng bộ, thống

Kết quả phân tích trên cho thấy, yếu tố hoàn cảnh gia đình nguy cơ SDMT và nhóm bạn nguy cơ là 2 yếu tố chủ yếu liên kết với các yếu tố tâm lý cá nhân để tạo nên nguy cơ SDMT ở học viên cai nghiện.

Từ kết quả nghiên cứu tại bảng 3.20 trên học viên cai nghiện tại trung tâm, đối chiếu với kết quả nghiên cứu trên học sinh THPT, có thể nhận thấy, có thực trạng học sinh THPT có nguy cơ SDMT. Tỉ lệ học sinh THPT có nguy cơ SDMT xuất hiện ở 6/7 kiểu liên kết, biểu hiện và mức độ của nguy cơ SDMT. Trong đó, ở mức độ 1 và 2 có tỉ lệ học sinh THPT cao hơn hẳn các biểu hiện/mức độ còn lại. Nghĩa là nguy cơ SDMT chủ yếu xuất hiện ở những có xu hướng hướng ngoại, không có hứng thú học tập, định hướng giá trị bạn bè và có nhóm bạn nguy cơ, hoàn cảnh gia đình nguy cơ. Do vậy, trong phòng ngừa nguy cơ SDMT, rất cần thiết phải chú trọng đến vấn đề học tập của các

quan. Cụ thể các yếu tố chủ quan là: trạng thái tâm lý của cá nhân, niềm tin tôn giáo, thái độ của cá nhân cảnh giác đối với ma tuý, có kỹ năng xã hội, mức độ tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội; Các yếu tố khách quan là: Nhận thức của cộng đồng, tuyên truyền của cộng đồng, công tác giáo dục của xã hội, sự hội nhập văn hoá, kinh tế thế giới, sự suy giảm niềm tin và phá vỡ các thể chế văn hóa gia đình truyền thống, tình hình tệ nạn ma tuý diễn biến phức tạp và mở rộng tiếp cận thông tin qua Internet. Đề tài tiến hành nghiên cứu và phân tích cho ra số liệu tại bảng 3.22.

Bảng 3.22. Các yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ SDMT ở học sinh THPT

Stt	Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng (%)					
		Không ảnh hưởng	*Ít ảnh hưởng*	*Ảnh hưởng khá nhiều*	*Ảnh hưởng nhiều*	*Ảnh hưởng rất nhiều*	**ĐTB**
A	***Các yếu tố chủ quan***						
1	Trạng thái tâm lý cá nhân	11,2	13,5	31,5	30,1	13,7	***3,12***
2	Niềm tin tôn giáo	2,8	15,4	41,8	30,6	9,4	***3,04***
3	Thái độ của cá nhân	3,9	9,2	22,6	44,3	20,0	***3,77***
4	Có kỹ năng xã hội		3,6	39,5	45,7	11,2	***3,68***
5	Mức độ tham gia các hoạt động tập thể, xã hội.	4,2	10,5	30,2	42,6	12,5	***3,43***
B	***Các yếu tố khách quan***						
1.	Nhận thức của cộng đồng, tuyên truyền của cộng đồng		14,3	18,0	45,1	22,6	***3,62***
2.	Công tác giáo dục của xã hội		3,1	31,4	57,6	8,8	***3,35***
3.	Sự hội nhập văn hoá, kinh tế thế giới		6,6	10,2	53,7	29,5	***3,01***
4.	Sự suy giảm niềm tin và phá vỡ các thể chế văn hóa gia đình truyền thống	3,2	12,7	40,1	32,6	11,4	***3,34***
5.	Tình hình tệ nạn ma tuý diễn biến phức tạp		4,2	11,3	34,8	49,7	***2,46***

Một số ý kiến của các chuyên gia phòng chống m
chuyên môn Hà Nội.

Dưới góc độ nghiên cứu và phân tích các ý kiến
cho rằng có cơ sở để tin rằng các yếu tố trên có ảnh hưởn
nguy cơ SDMT ở lứa tuổi học sinh THPT. Trên cơ sở
ý diễn biến ở lứa tuổi đầu thanh niên cần phải xem xét đế
ình nghiên thiệp của các cơ quan chức năng chuyên mô
các cấp, các ngành quản lý nhà nước.

3.2. Kết quả thực nghiệm trên học sinh có nguy

3.2.1. Mô tả tóm tắt về đặc điểm nguy cơ sử dụ thể thực nghiệm

3.2.2. Kết quả tham vấn cá nhân

Dựa trên đặc điểm riêng và đặc điểm về nguy c
thể, đề tài đưa ra các nội dung tham vấn riêng. Trên c
quả thực nghiệm trên từng nghiệm thể. Cụ thể như dưới

3.2.2.1. Nghiệm thể thứ nhất

Trong quá trình tham vấn có sử dụng bản đồ tư duy
ra các đặc điểm tâm lý của mình có thể liên quan nhau tron
cơ SDMT. Trong quá trình tham vấn, Đ luôn thể hiện tích
và phán đoán về các mối liên quan giữa các đặc điểm tâm
không thuận lợi, việc chơi game và kiếm tiền quên học c
tâm của gia đình... Quan sát cho thấy, em dường như đã hi
tương tác mắt xích với nhau của các yếu tố nguy cơ SDM
vấn, em đã tự nhận còn nhiều loại ma tuý và tác dụng củ
Em rất chú ý lắng nghe và hỏi nhiều về biểu hiện nhận bi
tính của ma tuý và nhận biết người nghiện ma tuý.

Tham vấn cho Đ về tương tác với gia đình, Đ đã
của em dành cho bố mẹ vẫn rất lớn, em vẫn yêu quý bố
qua phân tích bản đồ tư duy về hành động của cha mẹ
qua, Đ nhận ra rằng dù cách dạy con của bố mẹ hơi k
mong muốn em học tốt và muốn cho em có tương lai sá
quý Đ nhiều.

Em hứa sẽ quan tâm hơn đến các buổi này để giúp mình có thêm kinh nghiệm sống tránh xa nguy cơ SDMT. Trong tham vấn, M rất chịu khó hỏi chơi về các tác hại của ma tuý đối với sức khoẻ cơ thể và các biện pháp có thể phòng ngừa. Chuyên viên tham vấn đã hướng dẫn cho em tự tìm và đưa ra các biện pháp dựa trên đặc điểm của em. M đã chọn biện pháp tự mình đánh giá kỹ càng bạn bè trước khi kết thân; hạn chế tham gia các cuộc vui có yếu tố sử dụng ma tuý; hạn chế giao lưu với các cá nhân có biểu hiện nghi sử dụng ma tuý.

3.2.2.3. Nghiệm thể thứ ba

Thông qua tham vấn cá nhân, V đã hiểu được các yếu tố nguy cơ SDMT của bản thân và môi trường sống, những dấu hiệu của nguy cơ SDMT. Thông qua tham vấn, V đã hiểu hơn về ma tuý, tác hại của các loại ma tuý, các quy định của Việt Nam về ma tuý và sử dụng ma tuý, phòng chống và kiểm soát ma tuý. Thông qua bản đồ tư duy, em đã biết thêm một số loại ma tuý mới và tác hại của nó, em tỏ thái độ lo lắng về hiện trạng ma tuý trong xã hội hiện nay và nguy cơ của nó đối với lứa tuổi học sinh các em. Về quan hệ với gia đình, thông qua tham vấn phân tích, em đã nhận ra sự kỳ vọng của cha mẹ đối với mình, sự thiếu tế nhị trong giao tiếp giữa em và bố mẹ. V cũng nhận ra mình có tính cố chấp và thiếu tha thứ. Thông qua tham vấn cho thấy, V rất thương yêu cha mẹ, tuy rằng cách thể hiện dưới vỏ bọc là sự thờ ơ. V cho biết, em sẽ cố gắng học tập tốt để được đi du học, để cho cha mẹ em đỡ buồn lo cho em. Về biện pháp phòng ngừa nguy cơ SDMT, V suy nghĩ và nói rằng đối với em, em sẽ chọn biện pháp hạn chế giao lưu với các bạn có sử dụng ma tuý và em sẽ tập trung vào thiền nhiều hơn để có được sự thiết tâm.

3.2.2.4. Nghiệm thể thứ tư

Thông qua tham vấn, Q đã nhận diện được về các yếu tố tâm lý của mình, nhận biết hiện trạng mối liên hệ của mình với gia đình, nhận biết rõ ràng đặc điểm của nhóm bạn mà Q đang chơi cùng. Q đã nhận ra được sự liên quan của các yếu tố tâm lý cá nhân và yếu tố nhóm bạn, yếu tố hoàn cảnh gia đình của mình. Em đã hiểu được trạng thái nguy cơ SDMT của mình. Trong tham vấn gia tăng nhận thức về ma tuý và tác hại của ma tuý, Q tỏ ra quan tâm đến tác hại của ma tuý. Em cho biết từ trước đến nay em không nghĩ rằng ma tuý lại có nhiều tác hại đến như vậy. Từ đây, Q nhìn nhận về mối quan hệ của

nguy cơ SDMT từ nhóm bạn, đặc biệt là mối liên quan hơn về cá là, cũng như mối liên quan giữa bia, rượu và n vòi B cũng đặt nhiều câu hỏi về các tác hại của ma tuý độ phát dựa thần của con người, em quan tâm nhiều đến sự bị ta bạn bè phải dùng thuốc giảm đau, các biện pháp để tr bị động bia;

Khi được tham vấn về phương pháp học tập nghiệp, em đã nhận ra có sự đầu tư về học tập chưa nh tập chưa có chủ động và chủ yếu là học đối phó. Trước n học với gia sư và nhờ sự hỗ trợ của bạn bè. Nhìn chun diễn ra hiệu quả, có tác dụng đối với nhận thức và hàn biểu hiện và thông qua quan sát cho thấy B chân thành và sinh tham vấn.

3.2.3. Kết quả tập huấn nhóm

Đánh giá kết quả thực nghiệm thông qua sản phẩ học sinh cho thấy: các học sinh tích cực, hào hứng và hiện và thể hiện trên giấy A0. Về nội dung trình bày tr trình sản phẩm của các em, phần trình bày hàm chứa nội phần về các nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa nguy huyết trình thể hiện rõ các em hiểu rõ về nguyên nhân ngừa nguy cơ SDMT. Cụ thể, các nhóm đã mô tả được đến nguy cơ SDMT như: tính cách tò mò, thích khám p thiếu hiểu biết về tác hại của ma tuý, thích đua đòi theo xấu, gia đình có người sử dụng ma tuý, gia đình thiếu qu bên lý của ma tuý.... quy lại là 15 đặc điểm về tâm lý c không thuận lợi về môi trường đều được các bạn học s Các nhóm cũng đã đưa ra các biện pháp phòng ngừa ng các nguyên nhân trên, cụ thể các biện pháp nhóm đã đ tích. Trong tích tình huống nguy cơ SDMT, tìm hiểu hơn về ma tuý và cách thức phòng tránh, tìm đến giáo phòng tư vấn tâm lý hoặc các chuyên gia để được hỗ trợ, quan hệ của nhà trường về phòng chống tác hại của ma

nữa, biện pháp tham vấn cá nhân đảm bảo tính bảo mật thông tin cá nhân và các em sẵn sàng kết nối và chia sẻ sau khi thực nghiệm kết thúc.

Tóm lại, kết quả thực nghiệm cho thấy, biện pháp tập huấn kiến thức và tham vấn cá nhân dựa trên đặc điểm của nghiệm thể nguy cơ SDMT là 2 biện pháp có hiệu quả và thực tế mang lại những hiệu quả tốt trong việc gia tăng nhận thức của học sinh, tương ứng là gia tăng các yếu tố bảo vệ, giảm thiểu và phòng ngừa các yếu tố nguy cơ. Biện pháp tham vấn cá nhân giúp học sinh tự nhận diện đặc điểm nguy cơ của bản thân và tự mình đưa ra biện pháp phòng ngừa dưới sự hướng dẫn của chuyên viên tham vấn. Biện pháp này giúp các em bảo mật thông tin và có điều kiện trao đổi sâu với chuyên viên tham vấn, học sinh sẵn sàng chia sẻ, đồng thời tạo mối liên lạc tiếp theo giữa học sinh có nguy cơ SDMT với chuyên viên tham vấn để tiếp tục theo dõi và hỗ trợ sau này, giúp các em vững tâm và có điểm tựa hỗ trợ trong việc phòng ngừa SDMT. Biện pháp tập huấn kiến thức cho thấy có hiệu quả hỗ trợ đáng kể cho học sinh trong việc gia tăng nhận thức và thể hiện thông qua sản phẩm. Kết quả thực nghiệm được thể hiện thông qua các bài tập tình huống và trình bày bài thuyết trình trên giấy A0 khẳng định các biện pháp phòng ngừa nguy cơ SDMT trên là các biện pháp có hiệu quả. Như vậy, các biện pháp thực nghiệm trên là phù hợp, có tính khả thi.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu về lý luận và thực tiễn về nguy cơ SDMT ở học sinh THPT, có thể rút ra một số kết luận sau đây:

1.1. Nguy cơ là khả năng tiềm tàng xảy ra hậu quả không mong muốn về tâm sinh lý cho cá nhân khi có sự kết hợp giữa các yếu tố tâm lý với các yếu tố môi trường sống có thể dẫn đến hậu quả đó.

1.2. Nguy cơ sử dụng ma tuý là khả năng (tiềm tàng) có thể xảy ra việc sử dụng ma tuý ở cá nhân khi các yếu tố nguy cơ SDMT chiếm ưu thế, nổi bật hơn các yếu tố bảo vệ ở mức độ cao nhất, nhưng ma tuý thấp nhất. Các biểu hiện nguy cơ SD bởi sự liên kết, tương quan của các yếu tố tâm lý cá nh trường sống nguy cơ.

1.3. Trong số học sinh THPT tham gia nghiên cứ có nguy cơ SDMT (30 em), thuộc 6/7 mức mức độ 1 đến mức độ 6; đa số thuộc nhóm có xu hướn bỏ sung thú học tập, định hướng giá trị bạn bè và hoàn c với các yếu tố nguy cơ để hình thành và gia tăng nguy cơ SI yếu tố bảo vệ không có tác dụng phòng ngừa, chống lại n

1.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nguy cơ SDM THPT, gồm có các yếu tố chủ quan và các yếu tố khách quan. Biểu hiện có: (1) Trạng thái tâm lý cá nhân, (2) Niềm tin cá nhân, (4) Có kỹ năng xã hội, (5) Mức độ tham thể, nhóm, cộng đồng xã hội. Các yếu tố khách quan gồm có: (đồng, truyền truyền của cộng đồng; (2) Sự hội nhập văn (3) Mở rộng tiếp cận thông tin qua Internet; (4) Sự suy hợp, có thể chế văn hóa gia đình truyền thống; (5) Tình h biến phức tạp; (6) Công tác giáo dục của xã hội.

1.7. Biện pháp thực nghiệm được đề xuất là tham v nhóm. Trong đó, tham vấn cá nhân dựa trên các đặc điển từng học sinh cho thấy có hiệu quả cao trong việc gia tăng sinh tự đưa ra được biện pháp kiểm soát các yếu tố nguy bảo tính bảo mật thông tin cá nhân cho học sinh. Biện phá các em tích cực hợp tác, trao đổi thông tin để cùng xây phòng ngừa cho cá nhân và cộng đồng.

1.8. Kết quả thực nghiệm cho thấy cả 5 nghiệm thể t biến đổi rõ rệt đáng kể sau quá trình thực nghiệm. Các em tích cực trong thái độ và hành động, tự nhận thức được các yế của bản thân và trên cơ sở đó, xây dựng được cho mình nguy cơ SDMT.

Với kết quả nghiên cứu trên cho phép chúng tôi khẳ

2.2. Đối với nhà trường trung học phổ thông

- Nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường, hướng đến mỗi giáo viên là một tấm gương về phẩm chất và năng lực giáo dục học sinh. Phối hợp tốt giữa giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn trong việc theo dõi học tập và đời sống tâm lý, biểu hiện bất thường, các tâm trạng tiêu cực của học sinh, phát hiện sớm các biểu hiện của nguy cơ sử dụng ma tuý.

- Gia tăng các giờ học về đạo đức, lối sống chuẩn mực, nhận biết và phòng chống các biểu hiện của lối sống tiêu cực, trái ngược với chuẩn mực xã hội.

- Trong dạy học, chú trọng phát triển động cơ và hứng thú học tập cho học sinh, hướng dẫn các em cách thức chiếm lĩnh tri thức và tìm thấy niềm vui trong học tập. Phát hiện và hỗ trợ các em có năng lực và hứng thú học tập thấp.

- Tăng cường đưa nội dung phòng ngừa ma tuý và nguy cơ sử dụng ma tuý vào giảng dạy trong các giờ học ngoại khoá, giáo dục công dân. Lồng ghép các nội dung tuyên truyền về phòng ngừa nguy cơ sử dụng ma tuý vào các hoạt động nhân các dịp sự kiện của nhà trường, đoàn thanh niên,... Phối hợp với các cơ quan chuyên môn về phòng chống ma tuý để tuyên truyền mang tính thực tiễn cho học sinh.

- Thiết lập mô hình phòng tâm lý học trường học, tư vấn và tham vấn tâm lý với các nhu cầu của lứa tuổi, tham vấn phòng ngừa đối với các học sinh có biểu hiện của nguy cơ SDMT; lấy cảm hoá là chính, rất hạn chế trường hợp đuổi học, kỷ luật gây ức chế tâm lý học sinh.

2.3. Đối với gia đình học sinh

- Tăng cường quan tâm, thương yêu, chia sẻ với con cái về đời sống tâm tư, tình cảm, cư xử tôn trọng nhân cách các em và không miệt thị, coi thường.

- Trong quan hệ gia đình luôn giữ hoà khí, cha mẹ tôn trọng lẫn nhau và tôn trọng con cái, xử lý các bất đồng trong hoà bình và hướng tới những giá trị tốt đẹp, chuẩn mực của gia đình.

- Không ngừng tìm hiểu các thông tin về phòng chống tệ nạn ma tuý, nhận biết các yếu tố nguy cơ và các yếu tố bảo vệ phòng ngừa nguy cơ sử

giao lưu với các nhóm đối tượng nghiện ma tuý, đối tư
ng đến nơi tập quán game, net...

- Thiết lập các đường dây nóng tố giác tội phạ
ệc tòa nghiện, người có nhu cầu tìm hiểu về ma tuý, tìm
tuý đến các cơ sở cung cấp dịch vụ tin cậy, chất lượng.

- Thường xuyên tuyên truyền về nguy cơ sử dụn
nguy cơ và các yếu tố bảo vệ để gia tăng nhận thức cho c